

Ngày 28/06/2024	84,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	23.0%	21.8%	114.0%

Q2/24		
ROE	39.1%	+/- YoY ▼ 22.5%

Q2/24		
DT thuần	11,485	QoQ ▼ 666 ▼ 5.5%
tỷ VNĐ		YoY ▲ 21.0 ▲ 0.2%

6T 2024		
DT thuần	23,636	YoY ▲ 3,438 ▲ 17.0%
tỷ VNĐ		

Q2/24		
LN gộp	422	QoQ ▼ 40.0 ▼ 8.6%
tỷ VNĐ		YoY ▼ 130 ▼ 23.5%

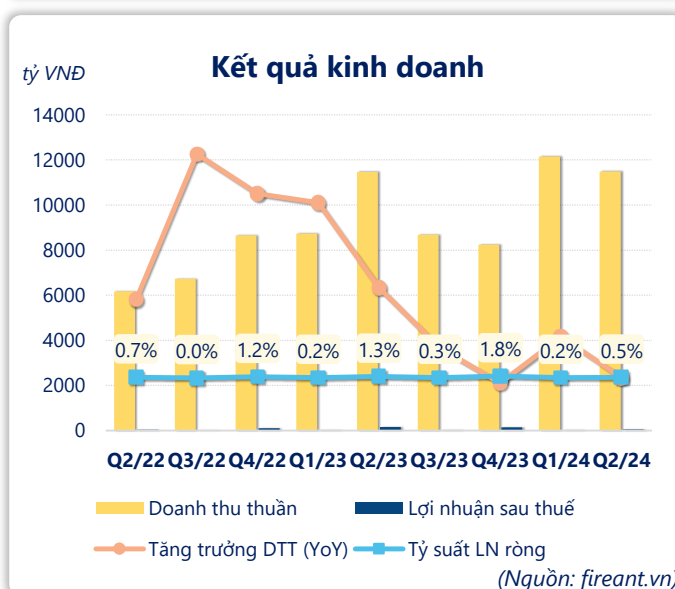
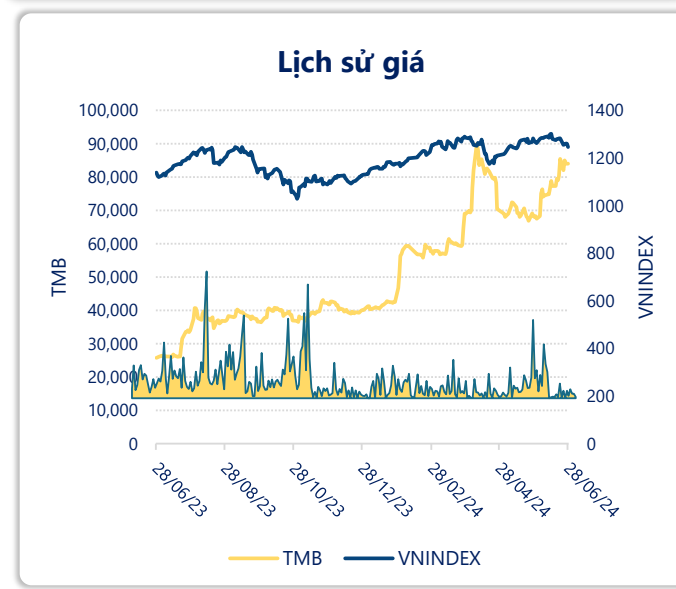
6T 2024		
LN gộp	884	YoY ▲ 76.0 ▲ 9.4%
tỷ VNĐ		

Q2/24		
LN thuần	50.7	QoQ ▲ 18.5 ▲ 57.4%
tỷ VNĐ		YoY ▼ 129 ▼ 71.8%

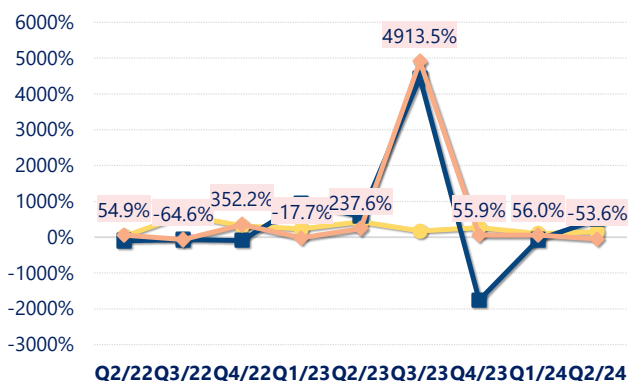
6T 2024		
LN thuần	82.9	YoY ▼ 123 ▼ 59.7%
tỷ VNĐ		

Q2/24		
LN sau thuế	54.2	QoQ ▲ 26.5 ▲ 95.8%
tỷ VNĐ		YoY ▼ 97.8 ▼ 64.3%

6T 2024		
LN sau thuế	82.0	YoY ▼ 92.0 ▼ 52.9%
tỷ VNĐ		



Tăng trưởng lợi nhuận

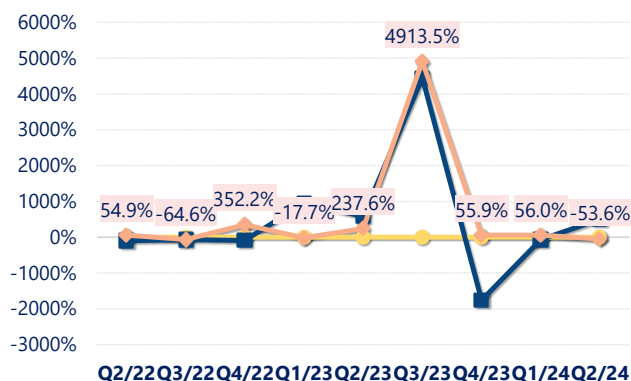


Q2/22 Q3/22 Q4/22 Q1/23 Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24

— Tăng trưởng LN thuần (YoY) — Tăng trưởng EBIT (YoY)
— Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí

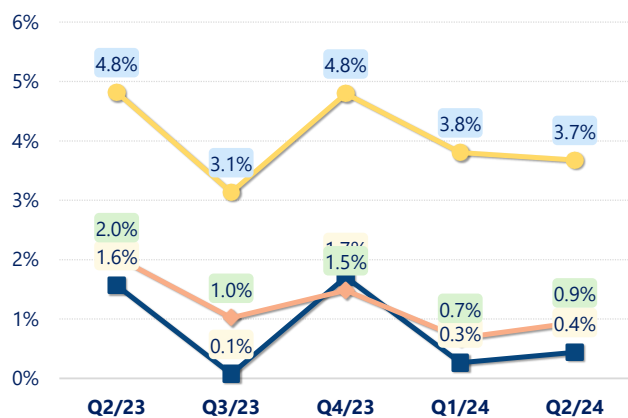


Q2/22 Q3/22 Q4/22 Q1/23 Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24

— Tăng trưởng CP lãi vay (YoY) — Tăng trưởng EBIT (YoY)
— Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

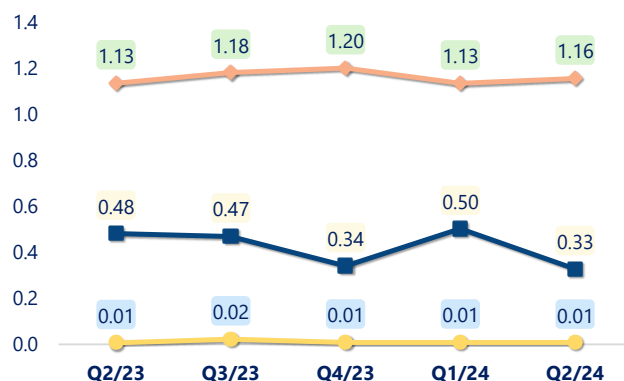


Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24

— Tỷ suất LN gộp — Tỷ suất LN thuần — Tỷ suất lãi EBIT

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

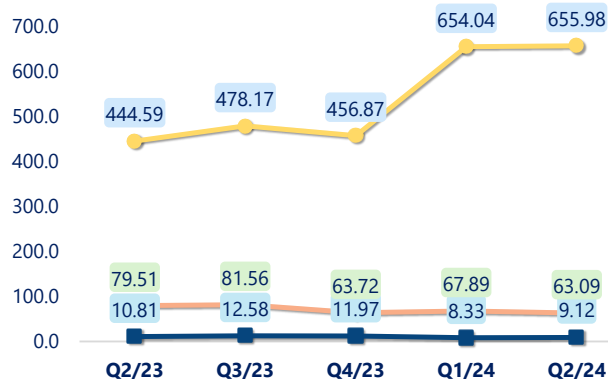


Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24

— Tỷ số thanh toán tiền mặt — Tỷ số thanh toán nhanh
— Tỷ số thanh toán hiện hành

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

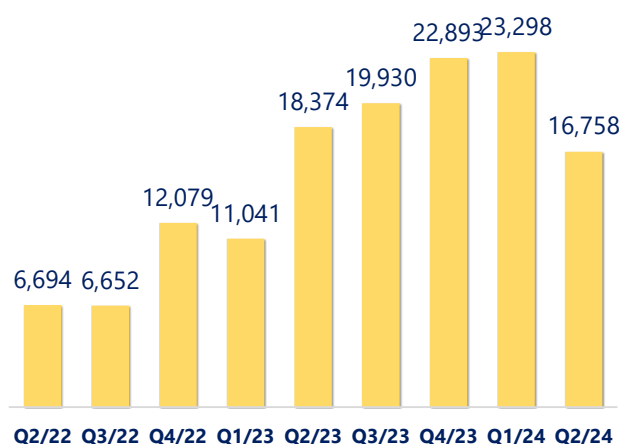


Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24

— Vòng quay TSCĐ — Vòng quay Tổng TS
— Vòng quay VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

EPS



Q2/22 Q3/22 Q4/22 Q1/23 Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	11,485	11,464	0.2%	23,636	20,198	17.0%
Giá vốn hàng bán	11,062	10,912	1.4%	22,751	19,390	17.3%
Lợi nhuận gộp	422	552	-23.5%	884	808	9.4%
Doanh thu HĐTC	-7.09	12.2	-158%	0.19	24.3	-99.2%
Chi phí TC	53.2	56.0	-5.1%	96.2	84.1	14.4%
Chi phí lãi vay	37.2	45.7	-18.7%	80.2	70.5	13.9%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	299	313	-4.4%	678	516	31.5%
Chi phí QLDN	12.0	15.9	-24.3%	27.6	27.2	1.6%
LN thuần từ HĐKD	50.7	180	-71.8%	82.9	206	-59.7%
Lợi nhuận khác	20.2	8.36	141%	27.6	11.6	138%
LN trước thuế	70.9	188	-62.3%	111	217	-49.2%
Lợi nhuận sau thuế	54.2	152	-64.3%	82.0	174	-52.9%
LNST của CĐ cty mẹ	54.2	152	-64.3%	82.0	174	-52.9%

(Nguồn: fireant.vn)

